

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2022
V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tuất

2. Ông Phan Quý Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐ/ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T

Địa chỉ: phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Q

Địa chỉ: Thụy Điền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà T trình bày theo đơn khởi kiện và bản tự khai:*** Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q quen biết nhau do tình cờ và qua cô em gái ở Thụy Điền. Sau nhiều lần nói chuyện qua lại, cả hai có tình cảm thương, mến nhau và quyết định kết hôn với nhau vào năm 2012, được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 464 quyển số 02 ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn, ông Q thường xuyên về Việt Nam ở với gia đình bà. Bà và ông Q sống chung với nhau được hai năm, nhưng thời gian sau này ông Q không về Việt Nam nữa và cũng không gọi điện thoại cho bà. Bà đã chờ đợi ông Q, nhưng ông Q đã không quay trở

lại. Vì thế, bà chắc chắn rằng ông Q đã bỏ bà, nên bà quyết định đơn phương xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Q không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa xét xử vụ án.

*** Bị đơn ông Q vắng mặt.**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Q qua thủ tục ủy thác tư pháp: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ kèm theo Phiếu điều tra về hôn nhân và gia đình để tiến hành thu thập lời khai đối với ông Q và thời hạn để gửi văn bản trình bày ý kiến của ông Q đối với vụ án.

Ngày 06/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận được Công điện của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển cho biết: *Ngày 09/7/2021, Đại sứ quán đã gửi thông báo cho ông Q theo địa chỉ như trong hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án gửi, nhưng không nhận được phản hồi của ông Q. Do đó, Đại sứ quán Việt nam tại Thụy Điển đã tiến hành niêm yết công khai hồ sơ ly hôn tại trụ sở Đại sứ quán.* Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành niêm yết công khai thông tin liên quan đến vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển. Tuy nhiên, ông Q đã không có văn bản trình bày ý kiến gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, cũng như đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T được ly hôn với ông Q; về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn:

- Nguyên đơn: Bà T đã có bản tự khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Q hiện đang sống ở Thụy Điển. Mặc dù, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Q vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 464, ngày 26 tháng 11 năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông Q thường xuyên về Việt Nam thăm bà T, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được hai năm. Nhưng sau đó, ông Q không trở về Việt Nam và cũng không liên lạc gì với bà T. Bà T đã chờ đợi ông Q, nhưng cũng không thấy ông Q quay trở lại, nên bà T chắc chắn ông Q đã bỏ bà, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Xét thấy: Sau khi ông Q trở về Thụy Điển một thời gian dài đã không còn liên lạc với bà T. Thực tế, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho ông Q nhưng ông Q không về Việt Nam để giải quyết vụ án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án. Điều đó, chứng tỏ ông Q không còn quan tâm đến bà T và , quan hệ hôn nhân này. Như vậy, tình cảm giữa bà T và ông Q đã thực sự không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, nên tách phần tài sản ra để giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Bà T là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn ông Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Tách ra để giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009717 ngày 19/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp Hôn nhân gia đình là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí số 0023995 ngày 18/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, bà T đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Bà T phải chịu chi phí dịch thuật và ủy thác theo đường bưu chính số tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) thực hiện tại Tòa án, hoàn lại cho bà Thủy số tiền 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*), bà T liên hệ phòng Thủ quỹ của Tòa án để nhận lại số tiền trên. Như vậy, bà T đã nộp đủ các chi phí tố tụng.

5. Quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Q ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn một tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu HS, AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Phượng